

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HC-PT

Ngày: 29/9/2017

V/v: yêu cầu hủy quyết định hành chính
cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Ninh.

Các thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng.

Ông Nguyễn Anh Văn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 08/2016/HC-PT ngày 09 tháng 12 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST, ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Q bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX - HCPT ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Cụ Nguyễn Thị S, sinh năm 1927. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hữu L, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn Nghiêm Thôn, thị trấn Phố Mới, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh X - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Q.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T - Phó chủ tịch UBND huyện tham gia tố tụng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị Ó, sinh năm 1959. (Có mặt)

2. Anh Đào Hữu Á, sinh năm 1992. (Có mặt)

3. Anh Đào Hữu N, sinh năm 1995. (Ủy quyền cho bà Đỗ Thị Ó)

Đều địa chỉ: Thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện là cụ Nguyễn Thị S do anh Đào Hữu L đại diện trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị Sánh kết hôn cùng với cụ Đào Hữu Lu từ năm 1948, hai cụ sinh được 06 người con bao gồm; ông Đào Hữu H, sinh năm 1951; ông Đào Hữu Lu, sinh năm 1958; bà Đào Thị K, sinh năm 1961; ông Đào Hữu N, sinh năm 1964; anh Đào Hữu L, sinh năm 1967 và anh Đào Hữu Lộ, sinh năm 1970. Kể từ khi kết hôn thì hai cụ sinh sống trên thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1990 cụ Luân mất, còn lại cụ Sánh vẫn ở trên nhà đất này. Về nguồn gốc thửa đất là do cha ông từ các đời trước để lại cho hai cụ sử dụng. Đối với các con của cụ Sánh sau khi lập gia đình đều được hai cụ cho ra ở riêng ra nhà đất khác, không ở chung cùng với hai cụ.

Cụ S vẫn quản lý và ở trên nhà đất này thì đến tháng 10/2015 thì được biết bà Đỗ Thị Ó là vợ ông Đào Hữu H đã rao bán nhà đất của cụ. Khi sự việc xảy ra như vậy cụ mới biết thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị Ó từ năm 2011. Sau khi tìm hiểu sự việc cụ cũng mới biết thửa đất này trước đây năm 2000 đã đứng tên sổ đỏ mang tên ông Đào Hữu H, sau này đến năm 2011 được chuyển tên cho bà Đỗ Thị Ó. Nay cụ thấy việc UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị Ó là không đúng, đất không phải của bà Ó nên cụ khởi kiện đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 947129 ngày 04/7/2011 đã cấp cho bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh và đề nghị được đứng tên trong GCNQSDĐ. Quá trình giải quyết vụ kiện, ngày 21/6/2016 cụ S bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 của UBND huyện Q về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đào Hữu H và một phần Quyết định số: 1329/QĐ-UB ngày 04/7/2011 về việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo.

** Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Q trình bày:*

Năm 2000, UBND huyện Q đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đào Hữu H theo Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Việc cấp sổ đỏ cho ông H là căn cứ vào Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung luật đất đai năm 1998; Thông tư số 1442/1999/TTLT-TCĐC-BTC ngày 21/9/1999 của liên bộ Tổng cục địa chính, Bộ tài chính; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cấp sổ đỏ là cấp cho hộ ông Đào Hữu H, khi đó hộ ông H gồm có: ông Đào Hữu H là chủ hộ, cụ Nguyễn Thị S, bà Đỗ Thị Ó, anh Đào Hữu Á và anh Đào Hữu N là các thành viên trong hộ. Đất khi cấp đã thực hiện đầy đủ thủ tục, trình tự theo quy định,

không có tranh chấp và được cấp cho hộ gia đình do ông H là chủ hộ đứng tên, cụ S cũng có hộ khẩu và quyền lợi đối với đất đó nên việc cấp sổ đỏ là hợp pháp, không làm mất quyền lợi của cụ S đối với thửa đất.

Năm 2011 thực hiện việc dự án cấp đổi GCNQSDĐ của UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND huyện đã tiến hành thực hiện dự án tại địa bàn xã Mộ Đạo, huyện Q. Tại Quyết định số: 1329/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của UBND huyện Q đã cấp cho hộ bà Đỗ Thị Ó được quyền sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo. Căn cứ để thực hiện việc cấp đổi là Quyết định số: 1790/QĐ- UBND ngày 09/12/2008 của UBND tỉnh Bắc Ninh; Luật đất đai năm 2003; Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của chính phủ; Thông tư số: 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009; Quyết định số: 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2006 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường về cấp GCNQSDĐ. Khi cấp sổ đỏ là cấp cho hộ bà Đỗ Thị Ó, khi đó hộ bà Ó gồm có: bà Đỗ Thị Ó là chủ hộ, cụ Nguyễn Thị S, anh Đào Hữu Á và anh Đào Hữu N là thành viên trong hộ. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thực hiện đầy đủ thủ tục, đất được chủ hộ là bà Ó đứng ra kê khai và cấp cho hộ gia đình có cả cụ S nên việc cấp đổi sổ đỏ là hợp pháp.

Nay phía cụ S có yêu cầu khởi kiện, UBND huyện thấy rằng các quyết định cấp sổ đỏ cho hộ ông H vào năm 2000 và cấp đổi cho hộ bà Ó vào năm 2011 là đúng quy định, đúng thẩm quyền, đất cấp cho hộ gia đình do chủ hộ đứng tên là hợp pháp nên UBND huyện Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ó trình bày: Bà lấy ông H vào năm 1991, trước khi bà lấy ông H, ông H đã có 2 đời vợ và đã có 03 con riêng là anh Đào Hữu H, chị Đào Thị Hải Y, chị Đào Thị Q. Bà với ông H sinh được 02 người con chung là anh Đào Hữu Á và anh Đào Hữu N, năm 2010 ông H chết. Sau khi bà lấy ông H gia đình có hợp và thống nhất do vợ chồng bà là con trưởng nên vào ở đất tổ tiên để lại, nhà đất khi đó đang do cụ S và anh Lộ sử dụng. Sau này khi anh Lộ lấy vợ gia đình cũng có cắt cho một phần thửa đất, còn vợ chồng bà với cụ S ở phần đất còn lại có ngôi nhà cấp 4. Quá trình chung sống vợ chồng bà đã ở trên thửa đất này từ năm 1991 đến năm 2007 bà với các con chuyển ra phần đất bìa làng mà bà đang làm ao để ở, nhà đất trong làng vẫn do cụ S ở nhưng bà vẫn thường xuyên về trông nom. Phần tài sản trên đất khi bà lấy ông H thì thửa đất đã có 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 lợp ngói, sau này vợ chồng bà có làm thêm 01 gian thành nhà 05 gian. Ngoài ra vợ chồng bà cũng làm được một số công trình như tường bao, bể nước, nhà tắm, giếng khoan, cổng ngõ. Phần tài sản này là công sức của bà chứ các con bà là anh Á và anh N không có công sức đóng góp gì.

Kể từ khi bà lấy ông H thì mọi việc trong gia đình bà đều phải gánh vác với trách nhiệm con dâu trưởng, lo toan các công việc của gia đình nhà chồng. Năm 2000 ông H được cấp sổ đỏ đối với thửa đất số 180 như thế nào bà cũng không biết. Sau khi ông H mất, đến năm 2011 bà có đi làm thủ tục cấp đổi sổ đỏ, khi đó gia đình có hợp và đề nghị cho cháu Đào Hữu Ha (là con ông H với bà vợ thứ nhất) đứng tên sổ đỏ nhưng cháu Ha không nhận và gia đình đã thống nhất

để bà đứng tên sổ đỏ. Sau đó bà đã đi làm thủ tục và được đứng tên sổ đỏ đối với thửa đất số 180 này.

Nay bà thấy việc nhà nước cấp sổ đỏ cho hộ gia đình bà mà bà là chủ hộ đứng tên đối với thửa đất số 180 là đúng quy định nên bà không chấp nhận yêu cầu đề nghị hủy sổ đỏ của cụ Sánh. Bà Ó cũng đại diện theo ủy quyền của anh N xác định khi nhà nước cấp sổ đỏ năm 2011 cho hộ gia đình bà thì anh N cũng có hộ khẩu trong hộ và có quyền lợi đối với thửa đất. Nay bà đại diện cho anh N cũng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà anh Đào Hữu Á trình bày: Anh là con của ông H và bà Ó. Khi Nhà nước cấp sổ đỏ năm 2011 cho hộ gia đình anh được sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13 thì anh cũng có hộ khẩu trong hộ và có quyền lợi đối với thửa đất. Nay anh cũng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ S.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2017 đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo. Trên thửa đất có 01 nhà cấp bốn 5 gian; sân gạch đã cũ nát; nhà tạm lợp Ploximang; bể nước bỏ không dùng; tường xây và 02 cây nhãn 01 cây bưởi nhỏ.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị S về việc khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 của UBND huyện Q về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đào Hữu H đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh và yêu cầu hủy một phần quyết định số: 1329/QĐ-UB ngày 04/7/2011 của UBND huyện Q về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 947129 ngày 04/7/2011 (số vào sổ cấp GCN; CH03449) cấp cho hộ bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/7/2017, cụ Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án và không đồng ý với phần quyết định của bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

+ Ông Đào Hữu L đại diện theo ủy quyền của cụ S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy GCNQSDĐ của UBND huyện Q cấp ngày 04/7/2011 cho hộ bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo; hủy một phần Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 của UBND huyện Q về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đào Hữu H và một phần Quyết định số: 1329/QĐ-UB

ngày 04/7/2011 về việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo. Đối với yêu cầu được đứng tên trong GCNQSDĐ không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

+ Bà Đỗ Thị Ó không đồng ý yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung đơn kháng cáo và kháng định năm 2011, gia đình bà đã họp gia đình và đề nghị để cháu Ha là cháu trưởng đứng tên GCN nhưng do cháu Ha không nhận nên gia đình đã thống nhất để bà đứng tên. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm, giữ nguyên GCNQSDĐ đã cấp cho hộ gia đình bà.

*** Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến thời điểm này là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra chứng cứ, tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của cụ Nguyễn Thị S và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của cụ Nguyễn Thị S đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính do đó cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định hành chính bị kiện trong vụ án này là Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 về việc cấp GCNQSDĐ và Quyết định số: 1329/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 về việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Q, tỉnh Bắc Ninh trong đó có thửa đất số 180, tờ bản đồ 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q. Bà Đỗ Thị Ó cho rằng, năm 2011 khi thực hiện việc cấp đổi GCNQSDĐ từ tên ông H sang tên của bà thì gia đình đã họp và thống nhất để cho bà đứng tên trên sổ đỏ nhưng không lập biên bản. Tuy nhiên phía người khởi kiện cho rằng không có cuộc họp gia đình nào. Bà Ó không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nội dung này. UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ đất cho hộ ông Đào Hữu H (năm 2000), hộ bà Đỗ Thị Ó (năm 2011) nên cụ S không thuộc đối tượng được giao và được biết Quyết định

hành chính. Phía người khởi kiện cho rằng không được nhận Quyết định hành chính, chỉ đến thời điểm tháng 10/2015 khi bà Ó rao bán đất này thì cụ S mới được biết. Ngày 14/4/2016, cụ S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Ngày 15/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý vụ án “Yêu cầu hủy quyết định hành chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 31, 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và điều 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

[4] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

UBND huyện Q ban hành Quyết định hành chính bị kiện trong vụ án này là Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 về việc cấp GCNQSDĐ và Quyết định số: 1329/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 về việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 23, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

[5] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 về việc cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Q đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, Hội đồng xét xử thấy:

UBND huyện Q khi ban hành Quyết định số 340/QĐ-UB đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính quy định về trình tự thủ tục đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ như thành lập Hội đồng đăng ký đất đai, yêu cầu các hộ đang sử dụng đất kê khai đăng ký; tiến hành công khai hồ sơ đăng ký đất đai, xét và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để cấp giấy chứng nhận.

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đào Hữu H năm 2000 thấy rằng: Theo các quy định của Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai năm 1998; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ thì chủ hộ gia đình có trách nhiệm kê khai đăng ký cấp sổ đỏ đối với đất hộ gia đình đang sử dụng.

Tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/6/2000, ông Đào Hữu H là chủ hộ kê khai xin đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 305 m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, không kê khai rõ nguồn gốc sử dụng đất. Khi đó hộ gia đình ông H có ông H, cụ Sánh, bà Ó, anh Á và anh N. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và bà Đỗ Thị Ó đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất này là do ông cha để lại cho cụ S và cụ Lu sử dụng. Hai cụ sinh được 06 người con bao gồm: ông Đào Hữu H, ông Đào Hữu Lu, bà Đào Thị K, ông Đào Hữu N, ông Đào Hữu L và ông Đào Hữu Lộ. Năm 1990, cụ Lu mất không để lại di chúc nên cụ S và 06 người con là những người được hưởng thừa kế di sản do cụ Lu để lại theo quy định của pháp luật. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ không thể hiện việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các đồng thừa kế. Mặc dù cụ S thời điểm đó cũng là thành viên trong hộ gia đình do ông H là chủ hộ, nhưng việc

ông H đứng ra kê khai cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 305 m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác là không đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định, ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của họ. Do vậy, năm 2000 UBND huyện Quế Võ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đào Hữu H khi ông H là không đúng đối tượng được quyền sử dụng đất theo quy định tại Bộ luật dân sự 1995; không có một trong các giấy tờ quy định Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999.

[6] Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 1329/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 về việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Q đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, diện tích 340,2 m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, Hội đồng xét xử thấy:

Năm 2011, thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số: 1790/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 của UBND tỉnh Bắc Ninh, theo quy định của Luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND huyện Quế Võ thực hiện việc cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13 tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo từ hộ ông Đào Hữu H sang tên hộ bà Đỗ Thị Ó. Tại thời điểm cấp đổi, ông H đã chết nên bà Ó là chủ hộ đứng ra kê khai cấp đổi GCNQSDĐ theo quy định. Khi đó hộ bà Ó gồm có: bà Đỗ Thị Ó là chủ hộ, cụ Nguyễn Thị S, anh Đào Hữu A và anh Đào Hữu N.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ó trình bày, trước khi bà lấy ông H thì ông H đã có 2 đời vợ và có 3 người con là Đào Thị Hải Y, sinh năm 1977; Đào Hữu H, sinh năm 1979 và chị Đào Thị Q, sinh năm 1985. Năm 2010 ông H mất không để lại di chúc. Đồng thời, khi ông H mất, gia đình bà có họp gia đình có cụ S, ông Đào Hữu Nại, bà Đào Thị Bản, bà Đào Thị Hồi là các em ruột của cụ Lu, ngoài ra còn có cả các con của cụ S và anh Đào Hữu H là con trưởng của ông H tham dự để thống nhất cho bà đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng việc họp gia đình không lập thành biên bản. Tuy nhiên phía cụ S, ông Lu, bà K, anh L, anh H và cả anh L không thừa nhận có cuộc họp này, bà Ó cũng không xuất trình được chứng cứ khác để chứng minh. Do vậy, chưa có căn cứ để xác định việc gia đình bà Ó đã họp bàn thống nhất cho bà đứng tên GCNQSDĐ như bà trình bày.

Tại thời điểm cấp GCN, UBND huyện Quế Võ biết được ông Đào Hữu H đã mất nhưng không hướng dẫn các thành viên trong gia đình bà Ó lập biên bản thỏa thuận giữa các đồng thừa kế của ông H là chưa đảm bảo quy định của Bộ luật dân sự 2005. Mặc dù cụ S, anh N và anh A cũng là thành viên trong hộ gia đình nhưng việc cấp đổi GCN sang tên chủ hộ mới là bà Ó mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác (anh H, chị Y, chị Q) là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của họ.

[7] Từ những phân tích, nhận định trên HĐXX thấy rằng: Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 về việc cấp GCNQSDĐ và Quyết định số:

1329/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 về việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Q đã ban hành chưa đảm bảo về nội dung, cấp GCNQSDĐ không đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định, gây ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt và chưa đảm bảo được quyền lợi hợp pháp cho những người được hưởng quyền thừa kế của cụ Lu và ông H. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khi cấp GCNQSDĐ năm 2000 và năm 2011 cụ S vẫn là thành viên của hộ gia đình ông H, hộ gia đình bà Ó nên cụ S không bị mất quyền mà cũng vẫn có đầy đủ quyền lợi đối với thửa đất là không đúng. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị S, hủy một phần Quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 và một phần Quyết định số: 1329/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của UBND huyện Q và hủy GCNQSDĐ của UBND huyện Q cấp ngày 04/7/2011 cho hộ bà Đỗ Thị Óng đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo.

[8] Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị S yêu cầu được đứng tên trong GCNQSDĐ đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, đây là thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan hành chính nhà nước theo quy định và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm ông L cũng có ý kiến không đề nghị xem xét đối với yêu cầu này nữa. Do vậy, khi có yêu cầu cụ Sánh liên hệ với UBND huyện Q để được giải quyết theo quy định.

[9] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án những người con khác của cụ S và cụ Lu là ông Đào Hữu Lu, bà Đào Thị Kh, ông Đào Hữu N, ông Đào Hữu L và ông Đào Hữu Lộ cùng với 03 người con khác của ông Đào Hữu H là chị Đào Thị Hải Y; anh Đào Hữu H và chị Đào Thị Q có ý kiến đề nghị được từ chối tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định đối với yêu cầu khởi kiện của cụ S. Việc phân chia quyền lợi đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13, diện tích 340,2m² tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo của các cụ sau này gia đình sẽ tự giải quyết; riêng chị Đào Thị Q không đòi hỏi quyền lợi gì. Mặt khác, khi có yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì phải khởi kiện tại Tòa án và được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[10] Ngoài ra, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q ban hành không đúng mẫu quy định của Nghị quyết số: 02/2017/HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, phần Quyết định của bản án không nêu căn cứ pháp luật về nội dung để ban hành quyết định. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này khi giải quyết các vụ án khác.

[11] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên cụ S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, trả lại cụ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do yêu cầu khởi kiện của cụ Sánh được chấp nhận nên UBND huyện Q phải chịu án phí hành chính theo quy định.

Vì các lẽ trên: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính 2015

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Thị S, sửa bản án hành chính sơ thẩm 01/2017/HC-ST, ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q.

Căn cứ Bộ luật dân sự 1995; Điều 23, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999

Bộ luật dân sự 2005; Điều 50, Điều 52 Luật đất đai năm 2003

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị S.

- Hủy một phần quyết định số: 340/QĐ-UB ngày 24/11/2000 của UBND huyện Q về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đào Hữu H đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

- Hủy một phần quyết định số: 1329/QĐ-UB ngày 04/7/2011 của UBND huyện Q việc thu hồi và cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Q cho hộ bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 13, đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 947129 ngày 04/7/2011 (số vào sổ cấp GCN; CH03449) cấp cho hộ bà Đỗ Thị Ó đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 13 đất thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

2. Trả lại cụ Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đ theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04282 ngày 15/4/2016 và 04813 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q).

UBND huyện Q phải chịu 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND huyện Q;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP- THC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Xuân Ninh